

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2019

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Dung

Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 510/2018/TLST – HNGĐ ngày 25/12/2018 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị D, sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số nhà 01, ngõ 92, tổ dân phố Chính Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

- Bị đơn: Anh C, sinh năm 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 01, ngõ 92, tổ dân phố Chính Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị D trình bày:

Về quan vợ chồng: Chị D và anh C kết hôn có đăng ký ngày 11/4/2013 tại UBND thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại số nhà 01 ngõ 92, tổ dân phố Chính Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề như sinh hoạt, công việc, nuôi dạy con cái. Anh C còn hay chơi bời, thiếu quan tâm gia đình. Chị D và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh C thay đổi sửa chữa, nhưng anh C không thay đổi. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Đến tháng 02/2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Anh C đã bỏ nhà đi, không sống chung với mẹ con chị D nữa. Chị D cũng không biết anh C đi đâu. Thỉnh thoảng chị D cũng có gọi điện cho anh C và bảo anh về nhà nhưng anh C không về. Từ tháng 02/2018 đến nay vợ chồng đã cắt đứt hoàn toàn quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau và ly thân nhau. Từ khi đi anh C không còn quan tâm, hỏi han, về thăm mẹ con chị D. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh C, vợ chồng không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có 01 con chung là cháu D, sinh ngày 08/11/2013. Hiện cháu D đang ở với chị D. Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh C nay bỏ đi đâu không rõ và không quan tâm tới con cái, không gửi tiền về nuôi con. Hiện nay chị D có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định; đủ điều kiện khả năng để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu D.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C không đến Tòa án để làm việc và không có ý kiến gì gửi Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh C, về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 08/11/2013 cho chị D nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh C, về tài sản chung vợ chồng không phải giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do chị D có đơn yêu cầu ly hôn với anh C có ĐKKHTT và nơi cư trú cuối cùng là thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc

thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nơi bị đơn cư trú. Vậy, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý là đúng thẩm quyền.

Anh C vắng mặt lần hai căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2]. Về quan hệ vợ chồng: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề như sinh hoạt, công việc, nuôi dạy con cái. Anh C còn hay chơi bời, cờ bạc thiếu quan tâm gia đình. Chị D và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh C thay đổi sửa chữa, nhưng anh C không thay đổi. Đến khoảng tháng 2 năm 2018 thì vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay không còn quan hệ gì. Vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh C của chị D là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình

[3]. Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có 01 con chung là cháu D, sinh ngày 08/11/2013. Xét nguyện vọng và điều kiện thì khi ly hôn, giao cháu D cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh C do chị D không có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung vợ chồng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị D được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 08/11/2013 cho chị D nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh C cho đến khi cháu D thành niên hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh C có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0004091 ngày 25/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu:Hồ sơ vụ án;
- Lưu:Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Quang